

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 28-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cầm Thị Quyến, ông Phùng Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cầm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2023/TLST-HS ngày 15/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn B, sinh năm 2001 tại xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; mã số định danh cá nhân: 014201xxxxxx; nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn P1 và bà Lò Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Ngày 02/01/2019 bị Công an huyện S, tỉnh Sơn La, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (*theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 001829/QĐ-XPVPHC*); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến nay; có mặt.

2. Lò Văn B1, sinh năm 1994 tại xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; mã số định danh cá nhân: 014094xxxxxx; nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 08/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn N và bà Quàng Thị I; có vợ là Lò Thị T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến nay; có mặt.

3. Lò Văn P, sinh năm 2000 tại xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; mã số định danh cá nhân: 014200xxxxxx; nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn H và bà Lò Thị H1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 28/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 13

tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (*Bản án số 42/2021/HS-ST*), tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2023 đến nay; có mặt.

- *Người bị hại*: Ông Tòng Văn T1, sinh năm 1967, nơi cư trú: Bản P2, Xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lò Văn T2, sinh năm 1981, nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện S2, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

2. Ông Lò Văn D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

3. Bà Lò Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

4. Ông Lò Văn A. Sinh năm 1986, cư trú tại: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 01/7/2023, Lò Văn B cùng với Lò Văn B1 và Lò Văn P đi chơi tại khu vực bản P2, xã M thì thấy một chiếc xe mô tô hiệu HONDA wave, BKS 26F1-118.08, dừng ở lề đường không ai trông giữ. B nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên rủ B1 và P lấy trộm chiếc xe để làm phương tiện đi lại và bán lấy tiền tiêu sài. B1 và P đồng ý. B, P và B1 thay nhau dắt xe theo hướng Bản C, xã M. Khi đến chỗ vắng người, không có nhà dân thì dừng lại. B1 sử dụng con dao gấp cắt dây Tica khởi động xe, cả ba bẻ tháo yếm xe vứt bên đường. Khi đến đầu bản C, cả ba xuống xe dùng tay, chân đạp bẻ gãy đuôi xe vứt xuống bờ suối. B1 tiếp tục điều khiển xe đến cuối Bản C thì dừng lại bật yên xe để kiểm tra đồ đạc trong cốp xe. Cả ba phát hiện trong đó có giấy tờ xe và căn cước công dân chủ xe, 01 ví da cũ bên trong có 30.000 đồng, một túi dứa bên trong có 01 chiếc liềm, 01 chiếc cò lê, 01 chiếc kim. B đã lấy 30.000 đồng, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân đều mang tên Tòng Văn T1 cho vào túi quần, vứt chiếc ví đi, sau đó điều khiển xe chở B1 và P đi đến nhà ông Lò Văn P2 ở bản X, xã C, huyện S2 là người quen để chơi.

Trưa ngày 03/7/2023, B, B1 và P quay về S. Khi đi qua cầu cứng bản X xã C, cả ba người vào quán sửa xe máy và bán cho chủ quán là ông Lò Văn T2 chiếc xe mô tô trộm cắp với giá 3.500.000 đồng (kèm giấy đăng ký xe). Khi bán xe, B là người trực tiếp giao dịch. Ông T2 hỏi chiếc xe là của ai thì cả ba đều trả lời là xe của gia đình, không phải tài sản trộm cắp. Sau đó cả ba cùng bắt xe khách về S. Khi đến trung tâm huyện S, B, B1 và P vào một quán uống bia. Tại quán bia, B thấy một thanh niên không quen biết ngồi một mình, B chủ động sang hỏi mua được 01 túi ma túy gói trong mảnh nilon màu trắng (*người thanh niên nói bên trong có thuốc lắc*) với giá 120.000 đồng. Sau đó, B về bàn tiếp tục uống bia cùng với B1 và P, B không cho ai biết việc đã mua ma túy.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, B gọi 01 xe taxi đi về bản C, xã M. Khi đến cầu cứng bản M, xã M thì gặp tổ công tác Đoàn biên phòng M phối hợp với Công an xã M làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra. Tổ công tác phát hiện, thu giữ của B 02 cục bột liên kết màu trắng, 02 cục bột liên kết màu hồng và 01 viên nén màu trắng, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 căn cước công dân đều mang tên mang tên Tòng Văn T1. Tại Đoàn Biên phòng M, B, P và B1 đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình ông Tòng Văn T1 ở bản P2, xã M. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của B đã bị Đoàn biên phòng M ra quyết định khởi tố vụ án và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sốp Cộp giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi tiếp nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã thu giữ của B số tiền 2.400.000 đồng là tiền bán chiếc xe mô tô trộm cắp còn lại.

Về bồi thường dân sự, ngày 21/8/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sốp Cộp đã trả lại cho ông Lò Văn T2 2.400.000 đồng. Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông T2 1.100.000 đồng nên ông T2 không yêu cầu bồi thường thêm. Ngày 31/7/2023, đại diện gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông Tòng Văn T1 6.000.000 đồng tiền mua phụ tùng thay thế và sửa xe. Ông T1 không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sốp Cộp đã xác định: “ *Giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, WAVE, số khung 125FY137561, số máy HC12E7137277, tình trạng đã qua sử dụng, mua mới đăng ký từ ngày 03/01/2020, có giá 10.378.000 đồng*”.

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKSSC ngày 14/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, truy tố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn P và Lò Văn B1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng. Đại diện gia đình các bị cáo xác nhận đã bồi thường thay cho các bị cáo theo đề nghị của các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn B1 và Lò Văn P về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; xác định các bị cáo phạm tội trong trường hợp có đồng phạm, trong đó bị cáo B giữ vai trò khởi xướng, chủ mưu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn B từ 7 đến 10 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn P từ 7 tháng đến 10 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn B1 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Chấp nhận các bị cáo đã bồi thường xong cho ông Tòng Văn T1 và ông Lò Văn T2.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Sốp Cộp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng, người bị hại Tòng Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy việc bồi thường thiệt hại đã thực hiện xong, sự vắng mặt của ông Tại và ông T2 không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Tại và ông T2 theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 01/7/2023, sau khi bàn bạc, thống nhất, Lò Văn B, Lò Văn B1 và Lò Văn P đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 26F1-118.08 trị giá 10.378.000 đồng của ông Tòng Văn T1 và bà Lò Thị P3 với mục đích làm phương tiện đi lại và bán lấy tiền tiêu sài. Sau khi lấy được tài sản, để không bị chủ xe phát hiện, các bị cáo đã tháo yếm xe, bẻ gãy đuôi xe và bán chiếc xe cho ông Lò Văn T2 với giá tiền là 3.500.000 đồng. Lời khai của các bị cáo là thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, phù hợp với đơn trình báo, đơn đề nghị, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người chứng kiến, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra. Các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về vai trò của các bị cáo, lợi dụng đêm tối và sơ hở của bị hại, B đã rủ B1 và P lấy trộm chiếc xe mô tô dựng cạnh đường để đi về nhà và bán lấy tiền tiêu sài. B1 và P đồng ý, các bị cáo đã cùng nhau chiếm đoạt chiếc xe, cùng nhau bán xe và sử dụng chung số tiền chiếm đoạt. Như vậy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp

đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, B là người khởi xướng, rủ rê hai bị cáo còn lại thực hiện hành vi trộm cắp, trực tiếp thực hiện giao dịch bán xe và cầm tiền chi tiêu chung của cả nhóm nên giữ vai trò lớn hơn và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so hai bị cáo còn lại.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo Lò Văn B được xác định là không có tiền án, tiền sự nhưng năm 2019 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị cáo chưa phạm tội lần nào và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo Lò Văn B1 không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị cáo chưa phạm tội lần nào và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Ngày 28/4/2021, bị cáo Lò Văn P đã bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 13 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.4] Trong quá trình điều tra, người bị hại ông Tòng Văn T1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Lò Văn B và Lò Văn P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo Lò Văn B1 là người phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo B1 ra khỏi xã hội và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.*”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: các bị cáo đều có nghề nghiệp chưa có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên và các bị cáo về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sốp Cộp đã trả lại cho ông Lò Văn T2 2.400.000 đồng tiền bán xe máy còn lại. Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông Lò Văn T2 1.100.000 đồng, bồi thường cho ông Lò Văn T1 6.000.000 đồng. Ông T2 và ông T1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm. Gia đình các bị cáo không yêu cầu các bị cáo bồi hoàn. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại chiếc xe máy bị chiếm đoạt, một mảnh yếm xe, một đuôi xe và giấy đăng ký xe mô tô. Việc không yêu cầu bồi thường của ông T2 và ông T1 là tự nguyện, việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Lò Văn B 8 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Lò Văn P 8 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn B1 phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Lò Văn B1 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo Lò Văn B1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của

bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lò Văn B1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo và gia đình của các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại ông Tòng Văn T1 là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*), đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T2 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sốp Cộp đã trả lại cho ông Tòng Văn T1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26F1-118.08, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, một mảnh yếm xe và một đuôi xe mô tô; trả lại cho ông Lò Văn T2 số tiền 2.400.000 đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn B, Lò Văn B1 và Lò Văn P.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, ông Lò Văn D, bà Lò Thị T, ông Lò Văn A có quyền kháng cáo phần bồi thường dân sự trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 28/9/2023*). Ông Tòng Văn T1 có quyền kháng cáo bản án, ông Lò Văn T2 có quyền kháng cáo phần bồi thường dân sự của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA huyện Sốp Cộp;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp;
- Các bị cáo; bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam